

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản
và Hủy Giấy CNQSD đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân S.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn L và ông Mai Văn D.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Huyền Tr - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh H- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 và ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-DS ngày 01/12/2022 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 11/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh B, Quyết định hoãn phiên tòa số 17B/QĐST-DS ngày 30/6/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 22/QĐST-DS ngày 27/7/2023; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 09/QĐST-DS ngày 25/8/2023 và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 14/QĐST-DS ngày 05/9/2023, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Th, sinh năm 1950;

Trú tại: Số 1, xóm Chợ, khu 3, phường TC, thành phố B, tỉnh B. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Th: Ông Nguyễn Thế U và ông Nguyễn Đình D1 - Luật sư Văn phòng Luật sư Thế Gia, Đoàn luật sư tỉnh B. Có mặt.

Bị đơn: Cụ Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1941. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Nh: ông Đinh Viết Th1, sinh năm 1978 (là con trai Cụ Nh). Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị Th2, sinh năm 1955. Vắng mặt
2. Bà Đinh Thị L1, sinh năm 1961. Có mặt.
3. Bà Đinh Thị Th3, sinh năm 1964. Vắng mặt
(Bà Th2 và bà Th3 ủy quyền cho bà Đinh Thị L1- có mặt);
4. Ông Đinh Viết S1, sinh năm 1970. Vắng mặt
bà Đinh Thị L1 là người giám hộ của ông S1. Có mặt.
5. Ông Đinh Viết Th1, sinh năm 1978. Có mặt.
6. Bà Đỗ Thị D2, sinh năm 1982 (vợ ông Th1). Vắng mặt.
Cùng trú tại: Thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B.
7. Bà Đinh Thị Th4, sinh năm 1976. Vắng mặt.
(Bà D2, bà Th4 ủy quyền cho ông Đinh Viết Th1- Có mặt)
8. UBND huyện G, tỉnh B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình M - Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Tr1 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà Đinh Thị Th và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Ông Nguyễn Thế U và ông Nguyễn Đình D1 trình bày:

Bố bà Đinh Thị Th là cụ Đinh Viết C, sinh năm 1922 (chết năm 1997) kết hôn với mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1928 (chết năm 1979). Cụ C và cụ Ng có 05 người con chung là bà Đinh Thị Th, bà Đinh Thị Th2, bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị Th3 và ông Đinh Viết S1 (ông S1 bị bệnh bại não bẩm sinh).

Ngoài ra cụ C có quan hệ tình cảm với bà Nguyễn Thị Nh và có 02 người con chung với Bà Nh là chị Đinh Thị Th4 và anh Đinh Viết Th1.

Quá trình sinh sống, năm 1977, bố mẹ Bà Th mua của ông Đình Viết H1, sinh năm 1941, trú tại thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B một thửa đất, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 để ở.

Sau khi mẹ bà mất năm 1985 bố bà đón Bà Nh cùng các con Bà Nh đến ở trên thửa đất đó. Sau khi bố bà mất, Bà Nh vẫn ở trên thửa đất đó. Năm 2000, Bà Nh tự ý đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) và ngày 26/10/2000 được UBND huyện G cấp GCNQSD đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị Nh thửa đất số 310, tờ bản đồ số 03, diện tích 573m² tại thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B.

Năm 2018, bà L1 có xây dựng một ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất và hiện nay đang ở để chăm sóc ông S1.

Bố mẹ bà chết đều không để lại di chúc.

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy GCNQSD đất thửa đất số 310, tờ bản đồ số 03, diện tích 573m² tại thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B mà UBND huyện G cấp số vào sổ 178.QSĐĐ/302/QĐH ngày 26/10/2000 cho hộ bà Nguyễn Thị Nh và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do bố mẹ bà để lại là 573m² đất tại thửa đất số 310 nêu trên, không yêu cầu giải quyết đối với tài sản trên đất. Nhà đất mà bà L1 và ông S1 hiện đang ở thì chia cho bà L1, ông S1. Phần di sản chị em bà được hưởng thì chia chung vào một thửa. Các bà đề nghị được chia di sản bằng đất.

- Bị đơn là cụ Nguyễn Thị Nh, do ông Đình Viết Th1 đại diện trình bày:

Bị đơn xác nhận những lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình là đúng, ông Th1 là con của bố C, mẹ Nh. Bố mẹ ông về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1979. Trước khi về chung sống với nhau thì được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, còn việc bố mẹ ông có đăng ký kết hôn tại UBND xã hay không thì ông không biết. Khi mẹ ông về chung sống cùng với bố ông thì gia đình ở trên thửa đất mà bố ông mua của ông H1 từ trước có diện tích 360m², trên đất có ngôi nhà cấp 4. Năm 2000 mẹ ông là Cụ Nh đã được cấp GCNQSD đất số thửa 310 diện tích 573m² tờ bản đồ số 03 tại thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B. Quá trình sinh sống, mẹ ông và gia đình đã coi nói, cải tạo thêm nên được thửa đất như hiện nay. Bố, mẹ ông cùng ông và ông S1 vẫn ở trên đất đó. Khoảng cuối năm 2018, Bà Th về tranh chấp đất với gia đình Cụ Nh, đòi chia thừa kế. Vì cùng cha khác mẹ nên ông đồng ý cắt cho Bà Th 120m² đất để xây nhà cho ông S1, bà L1 ở. Sau khi cắt đất xây nhà xong, chị em Bà Th vẫn không đồng ý và

đòi chia di sản thừa kế. Nay bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì đất đã được cấp GCNQSD đất cho Bà Nh.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*

+ Bà Đinh Thị Th2, bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị Th3, ông Đinh Viết S1 (do bà L1 giám hộ) trình bày:

Cụ C, cụ Ng sinh được 05 người con và cụ C, Bà Nh sinh được 02 người con như lời trình bày của Bà Th là đúng. Ngoài ra không còn người con nào khác.

Các ông, bà đều nhất trí với yêu cầu, đề nghị của Bà Th và xác định không có công sức gì trong việc duy trì, tôn tạo làm tăng giá trị thửa đất. Bà Th2, bà Th3, bà L1 yêu cầu chia di sản là thửa đất, không yêu cầu chia tài sản trên đất và đề nghị được chia bằng đất.

+ Ông Đinh Viết Th1, bà Đinh Thị Th4 do ông Th1 đại diện trình bày:

Ông Th1 và bà Th4 xác nhận những lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình là đúng. Ông Th1, bà Th4 xác định bố đẻ là cụ C để lại thửa đất là 360m², trên đất có nhà cấp 4 đã cũ ở tại thôn MQ Xã LN, huyện G, tỉnh B. Quá trình sinh sống trên thửa đất, Cụ Nh đã coi nói, cải tạo để được diện tích đất như hiện nay, hàng năm gia đình vẫn đóng thuế đất cho Nhà nước đầy đủ theo quy định. Về nguồn gốc thửa đất là của gia đình ông H1, năm 1978 ông H1 chuyển lên Bắc Giang sinh sống nên có bảo gia đình cụ C đến ở để trông nom, thờ cúng, lúc đó gia đình cụ C cũng có nhà riêng nhưng cũ nát, chật chội nên đã chuyển đến ở trên thửa đất và nhà của ông H1 để ở. Năm 1979 cụ Ng chết, nhà ông lúc này có cụ C, Cụ Nh, bà L1, bà Th3, ông S1, bà Th4 và ông. Năm 1981 vợ chồng ông H1 vào Miền Nam sinh sống nên đã bàn giao lại thửa đất trên cho bố mẹ ông. Năm 1994 ông H1 ở Miền Nam về thì bố ông là cụ C có nói với ông H1 là về đó ở thì ông cắt lại đất cho nhưng ông H1 không về ở mà bảo mua đất ở chỗ khác để ở, lúc đó vì chưa có tiền trả ông H1 nên bố ông có đưa cho ông H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp và 01 giấy chứng minh nhân dân của cụ C để làm tin. Năm 2011 vợ chồng ông có xây 01 ngôi nhà 02 tầng trên một phần thửa đất đó. Năm 2018 bà L1 có về mượn 01 phần đất xây nhà để mẹ con bà L1 và ông S1 ở và chị em ông phát sinh tranh chấp từ đó. Hiện mẹ con bà L1 và ông S1 vẫn ở đó. Ông Th1 cho biết gia đình ông vẫn ở trên đất đó ổn định từ trước không có tranh chấp với ai. Năm 2000 mẹ ông đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hàng năm mẹ ông và gia đình vẫn nộp thuế đất đầy đủ. Do vậy, ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Bà Đỗ Thị D2 trình bày:

Bà D2 kết hôn với ông Th1 năm 2002. Toàn bộ công trình, tài sản trên đất, sân, vườn, cây cối là do vợ chồng bà tạo lập nên. Các con của ông, bà còn nhỏ, không có đóng góp gì, bà đề nghị Tòa án giải quyết: không chia thừa kế, giữ nguyên hiện trạng công trình, tài sản trên đất cho mẹ chồng bà và vợ chồng bà.

+ UBND huyện G do ông Nguyễn Xuân Tr1 đại diện trình bày:

Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất cho hộ bà Nguyễn Thị Nh đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên GCNQSD đất viết có sự sai khác và về mục đích, diện tích so với quyết định cấp giấy chứng nhận số 302/QĐ-UB ngày 26/10/2000, trên quyết định thể hiện tổng diện tích cấp 573m², trong đó đất ở 360m², đất vườn 213m². Việc đương sự yêu cầu hủy GCNQSD đất ông đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Ông Đinh Viết H1 trình bày: Thừa đất trên trước kia là của gia đình ông để lại cho ông, ông đã sử dụng đến khoảng năm 1977- 1978 ông chuyển lên Bắc Giang ở nên ông có cho ông C và Bà Ng ở nhờ. Năm 1981 ông kết hôn với bà H2 và chuyển vào Miền Nam sinh sống, khi đó ông xác định là đi làm ăn kinh tế lâu dài nên ông có bảo với ông C, Bà Nh (vì khi đó Bà Ng đã chết) là nếu có nhu cầu thì ông để lại cho thừa đất đó. Ông C Bà Nh đồng ý mua lại nhưng vì không có tiền nên có đưa lại 01 chứng minh thư nhân dân của ông C cho ông để làm bằng, hiện ông vẫn giữ. Ông H1 khẳng định phần diện tích đất là 360m² tương đương với 01 sào bắc bộ chứ không phải 573m² như trong giấy tờ xác nhận đầu tiên của ông ghi. Trong giấy tờ xác nhận lần đầu là ông ghi theo yêu cầu của Bà Th, Bà Th đọc cho ông ghi, Bà Th báo ghi số diện tích cho khớp với sổ đỏ để tiện cho việc chị em Bà Th làm thủ tục tách sổ. Tại thời điểm ông C về ở trên thừa đất nhà ông thì hai bên không bàn giao mô mốc cụ thể. Việc mua bán, bàn giao đất giữa hai bên không có giấy tờ gì, ông C cũng chưa thanh toán cho ông.

Ngày 17/7/2023 ông H1, bà H2 làm đơn khởi kiện với nội dung: Năm 1981 vợ chồng ông H1, bà H2 có bán cho vợ chồng ông C, Bà Nh 01 mảnh đất cùng căn nhà cấp 4. Tổng diện tích là 360m² nhưng do gia đình ông C rất nghèo nên khát nợ. Đến năm 1997 gia đình ông xác định là sẽ cho gia đình ông C thừa đất trên để làm chỗ thờ cúng tổ tiên nhưng nay chị em Bà Th đòi chia thừa kế thừa đất trên thì ông đòi lại diện tích đất trên.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến phản đối.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đưa ra ý kiến tranh luận: Đề nghị xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ng gồm cụ C, Bà Th, bà Th2, bà L1, bà Th3 và ông S1. Cụ Nh có công quản lý, tôn tạo thửa đất nên Bà Nh được hưởng 01 suất di sản thừa kế của cụ Ng nên sẽ phân chia làm 07 suất. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ C gồm: Cụ Nh, Bà Th, bà Th2, bà L1, bà Th3, ông S1, ông Th1 và bà Th4 nên di sản sẽ phân chia làm 08 suất.

Di sản thừa kế của cụ Ng: Ban đầu ông H1 xác nhận chuyển nhượng cho gia đình cụ C 573m² đất vào năm 1977, sau này ông H1 thay đổi lời khai và xác nhận lại là chuyển nhượng cho gia đình cụ C 360m² đất ở vào năm 1981, do vậy xác định di sản của cụ Ng để lại là 360m² đất ở : 2 = 180 m².

Đối với 213m² là tài sản do cụ C và Cụ Nh tạo dựng nên cụ C được 213m² : 2 = 106,5m². Di sản của cụ C được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm Cụ Nh, 05 người con của cụ C và cụ Ng và 02 người con của cụ C và Cụ Nh, tổng cộng là 08 suất.

Đối với diện tích đất còn lại của thửa đất số 310, Bà Th, bà L1 đồng ý để Cụ Nh và ông Th1 quản lý, sử dụng, không yêu cầu chia thừa kế. Bà Th đề nghị chia chung cho các chị em bà bằng đất.

Phía bị đơn không đồng ý với việc chuyển nhượng 360m² đất giữa gia đình ông H1 và cụ C và cho rằng việc UBND huyện G cấp sổ đỏ năm 2000 các con của cụ Ng đều biết và không có ý kiến gì, vì vậy không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Th.

Xác định di sản thừa kế của cụ Ng để lại là 180m² đất ở; di sản của cụ C để lại là 106,5m² đất vườn và 180m² đất ở, đều tại thửa đất số 310, tờ bản đồ 03, tại thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ng gồm: Cụ C và 5 người con là Bà Th, bà Th2, bà Th3, bà L1 và ông S1.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ C gồm: Cụ Nh và 7 người con (là Bà Th, bà Th2, bà Th3, bà L1, ông S1, bà Th4 và ông Th1).

Chia cho Bà Th, bà Th2, bà Th3, bà L1, ông S1 diện tích 200m² đất có vị trí A-44-33-34-35-45-C-B-A theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất.

Chia cho Cụ Nh, ông Th1, bà Th4 được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại của thửa đất, bao gồm cả thửa đất ao 82m² và có nghĩa vụ trích trả giá trị tài sản chênh lệch cho Bà Th, bà Th2, bà Th3, bà L1, ông S1 diện tích 66,65m² đất ở = 399.900.000đ và 59m² đất vườn = 4.130.000đ. Tổng số tiền là 404.030.000đ.

Chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSD đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Nh đối với thửa đất số 310.

Về án phí: Miễn án phí cho Cụ Nh, Bà Th, bà Th2, bà L1 do là người cao tuổi; miễn án phí cho ông S1 do là người khuyết tật. Bà Th3, ông Th1, bà Th4 phải chịu án phí đối với giá trị di sản được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 30/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh B đưa vụ án ra xét xử, các đương sự trong vụ án đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa nhưng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn xin hoãn phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào hồi 09 giờ 30' ngày 27/7/2023, tại phiên tòa Đại diện VKSND tỉnh B đề nghị ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ một số vấn đề liên quan đến vụ án mà không thể làm rõ tại phiên tòa được. Do vậy, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa. Sau khi tiến hành xác minh thu thập thêm tài liệu, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định chung. Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị Th2, bà Đinh Thị Th3 ủy quyền cho bà Đinh Thị L1 tham gia tố tụng giải quyết vụ án và chị em bà cử bà Đinh Thị L1 là người giám hộ cho ông Đinh Viết S1. Cụ Nguyễn Thị Nh, bà Đinh Thị Th4 và bà Đỗ Thị D2 ủy quyền cho ông Đinh Viết Th1 tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện G là ông Ông Đặng Đình M - Chủ tịch ủy quyền cho Ông Nguyễn Xuân Tr1 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện G tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Việc ủy quyền trên là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đại

diện theo ủy quyền của UBND huyện G xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2020 của bà Đinh Thị Th đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Đinh Viết C, cụ Nguyễn Thị Ng là quyền sử dụng 573m² đất tại thửa đất số 310 tờ bản đồ số 03 địa chỉ thửa đất tại thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B, theo GCNQSD đất số 178.QSDĐ/302/QĐ-H ngày 26/10/2000 của UBND huyện G, không yêu cầu giải quyết đối với tài sản trên đất. Ngày 15 tháng 4 năm 2022 Bà Th có yêu cầu hủy GCNQSD đất nêu trên. Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và các quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp về chia thừa kế tài sản” và ““Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do vậy, theo quy định tại Điều 26, 34 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh B.

Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Đinh Viết C sinh năm 1922, chết năm 1997, kết hôn với cụ Nguyễn Thị Ng sinh năm 1928, chết năm 1979. Theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế thì nếu thời điểm mở thừa kế trước ngày Pháp lệnh có hiệu lực thì thời hiệu khởi kiện vụ án được tính lại từ ngày 10/9/1990 là ngày công bố Pháp lệnh. Tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và tại Điều 623, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất là 30 năm. Như vậy, yêu cầu của Bà Th đề nghị chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Đinh Viết C và cụ Nguyễn Thị Ng vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

Việc ông Đinh Viết H1 và bà Đinh Thị H2 ngày 17/7/2023 có đơn khởi kiện đòi 360m² đất đã giao cho gia đình cụ Đinh Viết C từ năm 1977 là yêu cầu đưa ra sau khi Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử nên theo quy định tại Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự sẽ không được xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Cụ Đinh Viết C và cụ Nguyễn Thị Ng kết hôn với nhau từ trước những năm 1950, hai cụ đã có với nhau 05 người con chung là bà Đinh Thị Th, sinh năm 1950, bà Đinh Thị Th2, sinh năm 1955, bà Đinh Thị L1, sinh năm 1961, bà Đinh Thị Th3,

sinh năm 1964, và ông Đinh Viết S1, sinh năm 1971. Do vậy, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Ngoài ra cụ C còn có quan hệ tình cảm với cụ Nguyễn Thị Nh (trước đó Cụ Nh đã có một đời chồng là cụ Vũ Huy Đ nhưng cụ Đ đã chết vào khoảng năm 1970, hai người có 01 con chung là bà Vũ Thị T sinh năm 1964, bà T sống độc thân và đã chết năm 2012), Cụ C và Cụ Nh có 02 người con chung là bà Đinh Thị Th4, sinh năm 1976 và ông Đinh Viết Th1, sinh năm 1979. Năm 1979 khi cụ Ng chết thì cụ C đón Cụ Nh về sinh sống cùng đến năm 1997 cụ C chết, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2001/TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp thì quan hệ hôn nhân của cụ Đinh Viết C và cụ Nguyễn Thị Nh là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận.

2.2 Về di sản thừa kế:

Trong quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận khi còn sống cụ C, cụ Ng có nhận chuyển nhượng của ông Đinh Viết H1 01 thửa đất trên có ngôi nhà cấp 4 tại thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B.

Theo bản đồ địa chính chính quy lập năm 2002 là thửa số 163, diện tích 576m² (đất thổ cư) và thửa 164, diện tích 82m² (đất ao).

Theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 15/10/2021 do Công ty đo đạc và bản đồ Kinh Bắc thực hiện thì Thửa đất trên hiện Cụ Nh, ông Th1 đang quản lý, sử dụng 514,4m² và bà L1, ông S1 đang sử dụng 119,1m². Tổng diện tích thửa đất là 633,5m².

Quyền sử dụng đất có giá trị : $(6.000.000đ \times 360m^2) + (70.000đ \times 213m) = 2.174.910.000đ$. Tài sản trên đất do Cụ Nh, ông Th1 xây dựng gồm: 01 nhà xưởng cấp 4 loại 4, 01 nhà 2 tầng cấp 3 loại 5, 01 nhà ngang sử dụng làm bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh, cổng, tường bao, sân bê tông xây dựng năm 2018; một số cây ăn quả, rau màu và phần sân bê tông phía sau liền kề bếp, phần tường bao phía sau thửa đất. Tổng giá trị tài sản là 735.495.950đ. Tài sản trên đất do bà L1 xây dựng gồm: 01 nhà cấp 4 loại 4, nhà vệ sinh, sân gạch, mái tôn, tường bao. Tổng giá trị tài sản là 152.617.000đ.

Bà Th cùng các bà Th2, bà L1, bà Th3, ông S1 (do bà L1 giám hộ) đều xác định và đề nghị được chia di sản thừa kế đất của bố mẹ các bà là 573m². Không yêu cầu

chia tài sản trên đất và di sản nào khác. Đối với diện tích đất còn lại của thửa đất, các bà đồng ý để Cụ Nh, ông Th1 quản lý, sử dụng, không yêu cầu chia thừa kế.

Cụ Nh, ông Th1, bà Th4 xác định tài sản chung của cụ C và Cụ Nh là 360m² đất do ông H1 nhượng lại cho gia đình cụ C, phần đất còn lại là do Cụ Nh khai phá, tôn tạo không phải là di sản thừa kế của cụ C và cụ Ng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi nhận đất từ gia đình ông H1 năm 1977, vợ chồng cụ C- cụ Ng sau đó là cụ C và Cụ Nh, các cụ cùng gia đình đã sinh sống ổn định, phát triển, tôn tạo thửa đất, hiện ông Th1, bà L1 đã xây nhà kiên cố trên đất từ đó đến nay là hơn 40 năm không có tranh chấp với ai. Do vậy cần xác định thửa đất trên có phần di sản của cụ C và cụ Ng để lại.

Quá trình sử dụng cụ C và Cụ Nh có tôn tạo, khai phá thêm, năm 2000 Cụ Nh kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp GCNQSD đất là thửa đất số 310, tờ bản đồ số 03, diện tích 573m² (trong đó 360m² đất ở, 213m² đất ao, vườn). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện G, tỉnh B khi đó không có sự đồng ý của chị em Bà Th là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C và cụ Ng là vi phạm pháp luật.

Do vậy, yêu cầu của Bà Th đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 302/QĐ-UB ngày 26/10/2000 do UBND huyện G cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Nh là có căn cứ, cần được chấp nhận.

2.3. Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của Bà Th đề nghị chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Thị Ng và cụ Đình Viết C xét thấy:

Cụ Đình Viết C, sinh năm 1922 chết năm 1997, cụ Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1928 chết năm 1979. Các cụ chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia thừa kế của Bà Th đối với di sản của các cụ để lại theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Về hàng thừa kế: Trong quá trình chung sống cụ C, cụ Ng sinh được 05 người con là bà Đình Thị Th, sinh năm 1950, bà Đình Thị Th2, sinh năm 1955, bà Đình Thị L1, sinh năm 1961, bà Đình Thị Th3, sinh năm 1964, và ông Đình Viết S1, sinh năm 1971 (ông S1 là người bị bệnh não bẩm sinh và đã được tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 01/2021/QĐST-VDS ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B), hai cụ không có con nuôi nào khác.

Cụ C có người vợ thứ hai là cụ Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1941. Hai người chung sống với nhau từ năm 1979 và có 02 người con chung là bà Đình Thị Th4,

sinh năm 1976 và ông Đinh Viết Th1, sinh năm 1979, hai cụ không có con nuôi nào khác.

Về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ng: Cụ Ng chết năm 1979, như vậy hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ng gồm có: Cụ Đinh Viết C, bà Đinh Thị Th, bà Đinh Thị Th2, bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị Th3, và ông Đinh Viết S1.

Cụ Nh và các con có công chăm sóc, nuôi dưỡng ông Đinh Viết S1 là con trai cụ Ng bị bệnh não bẩm sinh từ năm 1979 đến năm 2018 nên cần trích chia phần công sức cho Cụ Nh bằng một suất thừa kế theo pháp luật; Cụ Nh và các con có công quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị thửa đất nên cũng cần trích chia công sức bằng một suất thừa kế theo pháp luật. Tổng cộng di sản của cụ Ng được chia làm 8 suất.

Về hàng thừa kế của cụ Đinh Viết C: Cụ C chết năm 1997, nên hàng thừa kế của cụ C gồm: Cụ Nguyễn Thị Nh, bà Đinh Thị Th, bà Đinh Thị Th2, bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị Th3, và ông Đinh Viết S1, bà Đinh Thị Th4 và ông Đinh Viết Th1.

Cụ Nh và các con có công chăm sóc, nuôi dưỡng ông Đinh Viết S1 là con trai cụ C bị bệnh não bẩm sinh từ năm 1979 đến năm 2018 và Cụ Nh các con có công quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị thửa đất nên cũng cần trích chia công sức bằng một suất thừa kế theo pháp luật. Tổng cộng di sản của cụ C được chia làm 09 suất.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Phần diện tích đất các bên đương sự thống nhất là tài sản chung của cụ C và cụ Ng là 360m² đất ở mà gia đình ông H1 chuyển giao cho gia đình cụ C vào năm 1977. Đây là tài sản chung của vợ chồng cụ C và Cụ Ng nên mỗi cụ được $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên. Năm 1979 cụ Ng chết nên thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ Ng là năm 1979. Di sản của cụ Ng là 360m² đất : 2 = 180m² đất.

Chia di sản của cụ Ng như sau: Di sản trên được chia làm 8 phần cho những người được hưởng di sản thuộc hàng thừa kế thứ nhất là: Cụ C, Bà Th, bà Th2, bà L1, bà Th3, ông S1 và Trích chia công chăm sóc nuôi dưỡng ông S1 của Bà Nh 01 suất, công quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản của Bà Nh, 01 suất. Nên mỗi suất thừa kế được hưởng phần di sản là 180m² : 8 = 22,5 m².

Năm 1979 sau khi cụ Ng chết, cụ C đón Cụ Nh về chung sống và Phần diện tích đất 213m² là do Cụ Nh và cụ C trong quá trình chung sống đã khai phá, tôn tạo nên cần xem đây là tài sản chung vợ chồng của cụ C và Cụ Nh nên mỗi cụ được $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 213 m² : 2 = 106,5 m². Cụ C chết năm 1997 nên thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ C là năm 1997.

Theo kết quả đo hiện trạng thửa đất ngày 15/10/2021 của Công ty đo đạc bản đồ Kinh Bắc thì tổng diện tích thửa đất số 310, tờ bản đồ 03 thuộc thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B thì hiện Cụ Nh và ông Th1 đang sử dụng $514,4\text{m}^2$ và bà L1, ông S1 đang sử dụng là $119,1\text{m}^2$. Tổng diện tích đất là $633,5\text{m}^2$. Phía nguyên đơn xác định và yêu cầu chia di sản là 573m^2 đất do cụ C và cụ Ng để lại còn phần đất còn lại là do Cụ Nh khai phá nên không yêu cầu chia.

Chia di sản của cụ Ng như sau: Di sản trên được chia làm 8 phần cho những người được hưởng di sản thuộc hàng thừa kế thứ nhất là: Cụ C, Bà Th, bà Th2, bà L1, bà Th3, ông S1 và Trích chia công chăm sóc nuôi dưỡng ông S1 của Cụ Nh = 01 suất, công quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản của Cụ Nh = 01 suất. Nên mỗi suất thừa kế được hưởng phần di sản là $180\text{m}^2 : 8 = 22,5\text{m}^2$.

Năm 1979 sau khi cụ Ng chết, cụ C đón Cụ Nh về chung sống và Phần diện tích đất vườn 213m^2 là do Cụ Nh và cụ C trong quá trình chung sống đã khai phá, tôn tạo nên cần xem đây là tài sản chung vợ chồng của cụ C và Cụ Nh nên mỗi cụ được $\frac{1}{2}$ diện tích đất là $213\text{m}^2 : 2 = 106,5\text{m}^2$. Cụ C chết năm 1997 nên thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ C là năm 1997.

Chia di sản của cụ C như sau: Di sản của cụ C được chia làm 09 phần cho những người được hưởng di sản thuộc hàng thừa kế thứ nhất là: Cụ Nh, Bà Th, bà Th2, bà L1, bà Th3, ông S1, bà Th4, ông Th1 và Trích chia công chăm sóc nuôi dưỡng ông S1 và công quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản của Bà Nh cùng các con là 01 suất (09 phần). Nên mỗi suất thừa kế được hưởng phần di sản là $180\text{m}^2 + 22,5\text{m}^2 = 225,0\text{m}^2$ đất ở và $106,5\text{m}^2$ đất vườn. Mỗi suất thừa kế được hưởng phần di sản là $225,0\text{m}^2 : 9 = 22,5\text{m}^2$ đất ở và $106,5\text{m}^2 : 9 = 11,8\text{m}^2$ đất vườn.

Phần di sản Bà Th, bà Th2, bà L1, bà Th3, ông S1 được hưởng của cụ Ng để lại là $22,5\text{m}^2 \times 5 = 112,5\text{m}^2$ đất ở và được hưởng của cụ C để lại là $22,5\text{m}^2 \times 5 = 112,5\text{m}^2$ đất ở và $11,8\text{m}^2 \times 5 = 59,0\text{m}^2$ đất vườn. Tổng cộng 5 chị em Bà Th được hưởng di sản của cụ C và cụ Ng để lại là $225,0\text{m}^2$ đất ở + $59,0\text{m}^2$ đất vườn = 284m^2 đất.

Cụ Nh được hưởng phần di sản do cụ Ng để lại là $22,5 \times 2 = 45\text{m}^2$ đất ở. Cụ Nh ông Th1 và bà Th4 được hưởng phần di sản do cụ C để lại 4 suất là $22,5\text{m}^2$ đất ở $\times 4 = 90\text{m}^2$ đất ở và đất vườn là $11,8\text{m}^2 \times 4 = 47,2\text{m}^2$ đất vườn. Tổng cộng Cụ Nh, ông Th1, bà Th4 được hưởng đất ở là $45\text{m}^2 + 90\text{m}^2 = 135\text{m}^2$ và đất vườn là $47,2\text{m}^2 + 106,5\text{m}^2 = 153,7\text{m}^2$ đất vườn. Tổng cộng là 135m^2 đất ở + $153,7\text{m}^2$ đất vườn = $288,7\text{m}^2$ đất, làm tròn số là 289m^2 đất.

Về nhu cầu sử dụng và giao di sản bằng hiện vật

Bà Th đề nghị chia kỹ phần của bà và bà Th2, bà Th3 bằng chung 01 suất đất; còn chia phần của bà L1 và ông S1 bằng chung 01 suất đất. Tại phiên tòa, Bà Th đồng ý chia chung cho các chị em bà bằng 01 suất đất. Cụ Nh, chị Th4 đồng ý giao cho anh Th1 đại diện nhận di sản thừa kế.

Xét thấy ở vị trí phía đông của thửa đất, bà L1 đã xây dựng công trình nhà cửa trên đất và cùng ông S1 sinh sống ổn định tại đây, nên cần giao cho phía nguyên đơn phần đất này là phù hợp. Còn ở vị trí phía tây của thửa đất hiện vợ chồng anh Th1 và Cụ Nh đã xây dựng công trình nhà cửa và sinh sống ổn định từ nhiều năm nay, ngoài thửa đất này cũng không còn chỗ ở nào khác, hơn nữa anh Th1 mặc dù là con trai thứ nhưng hiện vẫn đang có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên, nên thấy cần chia cho anh Th1, Cụ Nh phần diện tích đất còn lại của thửa đất; nhưng có nghĩa vụ trích trả giá trị di sản chênh lệch bằng tiền cho các thừa kế khác.

Cụ thể: Chia cho Bà Th, bà Th2, bà Th3, bà L1, ông S1 diện tích 200m^2 đất có vị trí A-44-33-34-35-45-C-B-A theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất. Chia cho anh Th1 (đại diện cho Cụ Nh và chị Th4) được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại của thửa đất, bao gồm cả thửa đất ao 82m^2 . Cụ Nh, ông Th1, bà Th4 có nghĩa vụ trích trả giá trị tài sản chênh lệch cho Bà Th, bà Th2, bà Th3, bà L1, ông S1 diện tích 25m^2 đất ở $\times 6.000.000\text{đ} = 150.000.000\text{đ}$ và 59m^2 đất vườn $\times 70.000.000\text{đ} = 4.130.000\text{đ}$, tổng cộng là $154.130.000$ đồng (*một trăm năm mươi tư triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*).

Di sản trên các Bà Th, Th2, L1, Thái và ông S1 đề nghị được chia vào một thừa; Cụ Nh, bà Th4 và ông Th1 vào một thừa, nên cần chấp nhận

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

3.1. Về án phí: Cụ Nh, Bà Th, bà Th2, bà L1 là người cao tuổi, ông S1 là người tàn tật nên được miễn án phí theo quy định.

3.2. Bà Th3, ông Th1, bà Th4 phải chịu án phí đối với phần di sản mà mình được hưởng. Giá trị phần di sản bà Th3 được hưởng là $(45\text{m}^2 \text{ đất ở} \times 6.000.000\text{đ}) + (11,8\text{m}^2 \text{ đất vườn} \times 70.000\text{đ}) = 270.826.000$ đồng; giá trị phần di sản bà Th4 và ông Th1 mỗi người được hưởng là $(22,5\text{m}^2 \text{ đất ở} \times 6.000.000\text{đ}) + (11,8\text{m}^2 \text{ đất vườn} \times 70.000\text{đ}) = 135.826.000$ đồng.

3.3. Chi phí thẩm định, định giá là $8.000.000$ đồng, nguyên đơn phải chịu 60% và bị đơn phải chịu 40% tiền chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 37, 38, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 32 Luật tố tụng hành chính; Các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị Th về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Ng và cụ Đinh Viết C để lại và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ngợi để lại là 180m² đất ở; Di sản thừa kế của cụ Đinh Viết C là 225,0 m² đất ở và 106,5 m² đất vườn. Diện tích đất trên thuộc thửa đất số 310, tờ bản đồ số 03 tại thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B.

Xác nhận hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ng gồm có: Cụ Đinh Viết C, bà Đinh Thị Th, bà Đinh Thị Th2, bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị Th3, và ông Đinh Viết S1.

Cụ Nh và các con có công chăm sóc, nuôi dưỡng ông Đinh Viết S1 là con trai cụ Ng bị bệnh não bẩm sinh từ năm 1979 đến năm 2018 nên cần trích chia phần công sức cho Cụ Nh bằng 01 suất thừa kế theo pháp luật; Cụ Nh và các con có công quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị thửa đất nên cũng cần trích chia công sức bằng 01 suất thừa kế theo pháp luật. Di sản của cụ Ng được chia làm 08 suất (Cụ Nh được hưởng 02 suất). Mỗi suất thừa kế được nhận 22,5m² đất ở.

Xác nhận hàng thừa kế của cụ Đinh Viết C gồm có: Cụ Nguyễn Thị Nh, bà Đinh Thị Th, bà Đinh Thị Th2, bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị Th3, và ông Đinh Viết S1, bà Đinh Thị Th4 và ông Đinh Viết Th1.

Cụ Nh và các con có công chăm sóc, nuôi dưỡng ông Đinh Viết S1 là con trai cụ C bị bệnh não bẩm sinh từ năm 1979 đến năm 2018 và Cụ Nh các con có công quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị thửa đất nên cũng cần trích chia công sức bằng 01 suất thừa kế theo pháp luật. Di sản của cụ C được chia làm 09 suất (Cụ Nh được hưởng 02 suất). Mỗi suất thừa kế được nhận 22,5m² đất ở và 11,8m² đất vườn.

2. Chia cho bà Đinh Thị Th, bà Đinh Thị Th2, bà Đinh Thị L1, bà Đinh Thị Th3 và ông Đinh Viết S1 được quyền sử dụng 200m² đất ở thuộc một phần của thửa đất số 310, tờ bản đồ số 03 tại thôn MQ, xã LN, huyện G, tỉnh B, đất có vị trí các điểm: A-44-33-34-35-45-C-B-A theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất.

Chia cho cụ Nguyễn Thị Nh, ông Đinh Viết Th1 và bà Đinh Thị Th4 được quyền sử dụng phần đất còn lại của thửa đất số 310 tờ bản đồ số 03 bao gồm cả thửa đất ao số 164 có diện tích là 82m², đất có vị trí các điểm: A-B-C-36-14-15-16-21-20-19-23-24-25-2628-29-2-1-30-31-32-A theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất.

(Có sơ đồ chia chi tiết kèm theo)

Cụ Nh, ông Th1, bà Th4 (ông Th1 là người đại diện theo ủy quyền của Cụ Nh và bà Th4) có nghĩa vụ trích trả giá trị tài sản chênh lệch cho Bà Th, bà Th2, bà Th3, bà L1, ông S1 diện tích 25m² đất ở trị giá 150.000.000đ và 59m² đất vườn trị giá 4.130.000đ, tổng cộng là 154.130.000 đồng (*một trăm năm mươi tư triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ tới Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện G để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao theo quy định của pháp luật.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 302/QĐ-UB ngày 26/10/2000 do UBND huyện G cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Nh đối với thửa đất số 310 tờ bản đồ số 03 tại thôn MQ, LN, G, B.

4. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Cụ Nh, Bà Th, bà Th2, bà L1 và ông S1. Bà Th3 phải chịu 13.541.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Th1, bà Th4 mỗi người phải chịu 6.791.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí Thẩm định, định giá hết 8.000.000 đồng: Bà Th phải chịu 4.800.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định Giá; Cụ Nh do ông Th1 đại diện phải chịu 3.200.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá (Xác nhận Bà Th đã nộp 8.000.000 đồng, Cụ Nh, ông Th1 phải hoàn trả Bà Th 3.200.000 đồng).

5. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Dương sự; Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Trần Xuân S